

Bản án số: 103/2019/HS-ST

Ngày: 19/11/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đức Tâm.

2. Ông Phạm Xuân Khoa.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Kao Hoàng, Thư ký TAND huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Hiếu, Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại TAND huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 85/2019/TLST - HS ngày 11 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2019/QĐXXST - HS ngày 04 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Chu Văn T**, sinh ngày 17 tháng 7 năm 1990.

Nơi cư trú và chỗ ở: xóm C, xã B, Sông Công, Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Chức vụ trước khi phạm tội (*Đảng, chính quyền, đoàn thể*): Không. Con ông: Chu Ngọc Q (*đã chết*). Con bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1962. Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ 03. Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1988 (*đã ly hôn*). Có 01 con, sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại nơi cư trú, *Bị cáo có mặt tại phiên tòa.*

*** Bị hại:** Anh Hoàng Văn S, sinh năm 1990 (*Vắng mặt có lý do*);

Trú quán: xóm L, xã D, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Anh Ngô Tuấn V, sinh 1996 (*Vắng mặt có lý do*);

Trú quán: xóm Đ, xã T, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

*** Người làm chứng:**

1. Anh Dương Nhữ Nam H, sinh năm 1986 (*Vắng mặt*).

Trú quán: xóm B 5, xã B, TP Sông Công, Thái Nguyên.

2. Anh Nguyễn Văn V1, sinh năm 1987 (*Vắng mặt*).

Trú quán: xóm X, xã B, TP Sông Công, Thái Nguyên.

3. Chị Trần Thị T1, sinh năm 1976 (*Vắng mặt*).

Trú quán: xóm Trung Hòa, xã Thái Hòa, huyện Ba Vì, TP Hà Nội.

4. Anh Chu Văn Đ1, sinh năm 1987 (*Vắng mặt*).

Trú quán: xóm B 5, xã B, TP Sông Công, Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chu Văn T, là lái xe của Công ty T Cường có trụ sở tại xóm 2, xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Khoảng 03 giờ ngày 20/5/2019, trong quá trình T điều khiển xe ô tô của công ty đi làm thì bị hỏng nên T đã điều khiển xe ô tô về gara của công ty cất và lấy xe mô tô BKS 97F2 - 2476 là xe của T mượn của anh Dương Nhữ Nam H, sinh năm 1986, trú tại xóm B 5, xã B, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên đi về phòng ngủ của mình ở trong khuôn viên công ty. Khi đến phòng ngủ, T thay quần áo rồi đi ra khu vực để xe của công ty lấy xe mô tô đi về nhà. Đến nơi, T thấy gần xe của T có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave @ màu trắng, BKS 20D1 - 037.91 (*sau xác định chiếc xe mô tô là của của anh Hoàng Văn S, sinh năm 1990, trú tại: xóm L, xã D, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên*) T quan sát thấy chiếc xe không có ai trông coi nên T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe trên đem bán lấy tiền tiêu sài. T liền dùng chiếc chìa khóa xe mượn của anh H cắm vào ổ khóa chiếc xe trên thì mở được khóa điện. T dắt xe ra khỏi bãi để xe và nổ máy điều khiển xe đi về nhà. Về đến nhà, T để chiếc xe mô tô trên ngoài sân thì gặp anh Chu Văn Đ1 (*là anh trai T*), anh Đ1 không hỏi gì T về chiếc xe mô tô nên T cất chiếc xe mô tô rồi đi vào trong phòng ngủ. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, T ngủ dậy và tìm ở nhà được 01 chiếc chìa khóa giống như chìa khóa xe mô tô của anh H. T thử mở khóa điện xe mô tô vừa trộm cắp được thì thấy mở được nên T đã mang chìa khóa xe của anh H đến trả cho bố anh H. Sau đó, T điều khiển chiếc xe mô tô trên đến quán nước Tuấn Phụng thuộc khu vực ngã ba T, thành phố Thái Nguyên cầm cố cho anh Ngô Tuấn V sinh năm 1996, trú tại xóm Đ, xã T, thành phố Thái Nguyên với giá 5.000.000 đồng (*anh V không biết chiếc xe mô tô trên do T trộm cắp mà có*). Có được số tiền T đã tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi phát hiện chiếc xe mô tô của mình bị mất, anh Hoàng Văn S đến Cơ quan Công an huyện Đại Từ trình báo và đề nghị giải quyết.

Ngày 21/5/2019, Ngô Tuấn V đã tự nguyện giao nộp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng - bạc, BKS 20D1 - 037.91 và 01 chiếc chìa khóa xe mô tô có phần chìa làm bằng kim loại, phần nhựa ở đầu chìa khóa màu đen, có khắc dòng chữ Honda cho Cơ quan Điều tra Công an huyện Đại Từ.

Ngày 21/5/2019, Chu Văn T đến Cơ quan Điều tra Công an huyện Đại Từ đầu thú và khai nhận T1 bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên.

Tại bản kết luận số 17 ngày 29/5/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Đại Từ kết luận có giá trị 9.000.000 đồng.

Vật chứng của vụ án: 01 (một) mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng - bạc, BKS 20D1 - 037.91, đã qua sử dụng. Hiện đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Hoàng Văn S quản lý sử dụng; anh S và anh V không có yêu cầu đề nghị gì về dân sự.

01 chiếc chìa khóa xe mô tô có phần chìa làm bằng kim loại, phần nhựa ở đầu chìa khóa màu đen, có khắc dòng chữ Honda. Hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đại Từ chờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số 83/CT-VKSĐT ngày 09/9/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Chu Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Chu Văn T, đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Chu Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; Áp dụng: khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS; xử phạt: bị cáo Chu Văn T mức án tù từ 09 đến 12 tháng tù; phạt bổ sung bị cáo từ 5 đến 10 triệu đồng; ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng và buộc bị cáo chịu án phí HSST theo quy định.

Trong phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận, bị cáo thừa nhận việc truy tố, xét xử là đúng người đúng tội, không oan, do điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn xin được giảm nhẹ hình phạt, được cải tạo tại địa phương.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét khách quan T1 bộ các chứng cứ, ý kiến đề nghị của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án từ khi khởi tố vụ án, điều tra, truy tố:

Cơ quan điều tra Công an huyện Đại Từ, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ; Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án kết hợp với việc tranh tụng công khai tại phiên tòa. HĐXX xác định: Khoảng 03 giờ 00 ngày 20/5/2019, tại Công ty T Cường thuộc xóm 2, xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, Chu Văn T đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng - bạc, BKS 20D1 - 037.91 đã qua sử dụng, có trị giá 9.000.000 đồng của anh Hoàng Văn S, sau đó đem cầm cố cho Ngô Tuấn V lấy tiền tiêu sài.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Thỏa mãn các cấu thành cơ bản của Điều 173 BLHS.

Nội dung khoản 1 Điều 173 BLHS quy định

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm;

[3]. Xét tính chất và hành vi phạm tội: Tính chất của vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, cụ thể là tài sản của anh Hoàng Văn S, gây mất trật tự trị an tại địa phương, với lỗi cố ý trực tiếp.

[4]. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Trong quá trình điều tra, sau khi được vận động và không thể chối cãi bị cáo đã đến cơ quan công an trình diện và khai báo nên có thể coi là *đầu thú* để xem xét cho hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ là bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả, bởi lẽ do người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Ngô Tuấn V sau khi mua bán chiếc xe trên biết là tài sản do T phạm tội mà có đã chủ động giao nộp cho cơ quan điều tra.

[5]. Xét nhân thân của bị cáo: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự;

[6]. Về hình phạt: Mặc dù bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bản thân chưa có tiền án, tiền sự; có nhiều tình tiết giảm nhẹ ... Nhưng qua diễn biến nội dung và kết hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì thấy, bị cáo là người ăn chơi đua đòi, thể hiện việc bị cáo vừa mới được nhận vào làm thử việc tại công ty nhưng khi phát hiện có tài sản của người khác sơ hở đã thực hiện hành vi trộm cắp, sau khi trộm cắp được tài sản đã bỏ việc công ty đem tài sản đi cầm cố lấy tiền tiêu sài. Việc bị cáo ra đầu thú là do không thể trốn tránh và chối cãi được. Khi lượng hình HĐXX cần có mức hình phạt tù nghiêm khắc mới đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: xét thấy, để nâng cao tính răn đe và phòng chống tội phạm, cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại đầy đủ tài sản bị trộm cắp; người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều không yêu cầu bồi thường gì nên HĐXX không xem xét trách nhiệm dân sự trong vụ án này.

[8]. Về vật chứng của vụ án: 01 chiếc chìa khóa xe mô tô có phần chìa làm bằng kim loại, phần nhựa ở đầu chìa khóa màu đen, có khắc dòng chữ Honda, đây là công cụ phương tiện bị cáo sử dụng trong quá trình phạm tội, không còn giá trị sử dụng, cần được tịch thu và tiêu hủy.

[9]. Về các vấn đề có liên quan khác trong vụ án: Anh Chu Văn Đ1 là người nhìn thấy T đi xe mô tô về nhà; anh Ngô Tuấn V là người đã giao dịch

cầm cố chiếc xe của Chu Văn T nhưng anh Đ1, anh V đều không biết đó là tài sản do T trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với anh Đ1, anh V.

Ngoài ra, anh Dương Nhữ Nam H1 là người cho Chu Văn T mượn chiếc xe mô tô BKS 97F2 - 2476 để đi làm, anh H không biết việc T dùng chìa khóa của chiếc xe mô tô trên để trộm cắp tài sản của người khác nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với anh H.

[10]. Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước và được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Chu Văn T** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS.

Xử phạt: bị cáo **Chu Văn T 06** (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành hình phạt.

*** Hình phạt bổ sung:** Áp dụng khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự. Phạt bổ sung bị cáo T 10.000.000đ (*mười triệu*) đồng sung quỹ Nhà nước.

*** Về vật chứng vụ án:** Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS;

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc chìa khóa xe mô tô có phần chìa làm bằng kim loại, phần nhựa ở đầu chìa khóa màu đen, có khắc dòng chữ Honda

(*Đặc điểm, tình trạng vật chứng như mô tả trong quyết định chuyển vật chứng số 73/QĐ-VKSĐT ngày 09/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ và các biên bản giao nhận vật chứng kèm theo*).

*** Về án phí:** Áp dụng Điều 47; Điều 136 BLTTHS; Luật án phí lệ phí; Nghị quyết 326/2016/QH ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo T phải chịu 200.000 đồng án phí HSST sung ngân sách nhà nước.

Ấn xử sơ thẩm công khai. Báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với người có mặt và kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định đối với người vắng mặt.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư Pháp Thái Nguyên;
- Công an, VKS huyện Đại Từ;
- Thi hành án HS, DS;
- Bị cáo; Bị hại; Người có QLNVLQ;
- UBND xã B;
- Lưu VT;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Kiên